|  |  |
| --- | --- |
| Hàm gộp (agreegate function) | - Là các hàm được sử dụng chung với GROUP BY  - Các hàm gộp: COUNT(), SUM(), MAX(), MIN(), AVG().  **- Lưu ý: WHERE và HAVING:**  + WHERE sẽ chạy trước SELECT để đánh dấu các bản ghi thỏa mãn điều kiện -> SELECT chỉ cần lấy ra các bản ghi đó.  + HAVING sẽ chạy sau SELECT. Khi SELECT hoàn tất thì HAVING mới kiểm tra. Nếu không thỏa mãn điều kiện thì sẽ loại bỏ bản ghi đó => Hiệu suất khi sử dụng WHERE cao hơn nhiều so với HAVING trong cùng trường hợp là so sánh điều kiện không phải là hàm gộp. |
| Sử dụng UNION và UNION ALL | - dùng để gộp 2 hay nhiều câu lệnh SELECT lại với nhau  - UNION sẽ loại bỏ các record trùng lặp. UNION sẽ lấy tất cả.  **- Lưu ý: Khi sử dụng UNION và UNION ALL thì số lượng column của 2 câu lệnh phải bằng nhau.** |
| Ý nghĩa của LIMIT | - Giới hạn số bản ghi (record hiện thị)  - LIMIT luôn luôn nằm cuối cùng (sau cả ORDER BY)  **- Lưu ý: Tương đương với TOP bên SQL Server.** |
| Truy vấn con (sub – query) | - Có nghĩa là một câu lệnh query lồng trong một câu lệnh query khác. |
| EXISTS, IN | - IN sử dụng để kiểm tra 1 column nhất định có nằm trong 1 tập hợp dữ liệu hay không.  - EXISTS sẽ return về kết quả true hoặc false. True khi sub – query trả về ít nhất 1 record. False khi sub – query không có kết quả.  - NOT IN và NOT EXISTS là phủ định của IN và EXISTS. |
| Tổng kết bài học | 1. Phân biệt UNION, UNION ALL  2. Các hàm gộp hay được sử dụng chung với GROUP BY  3. Câu lệnh SQL đầy đủ  4. Hàm cộng chuỗi trong SQL  5. Hàm tính khoảng cách giữa 2 date. |